



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Mục lục

I. Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Thành tựu đã đạt được
4. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
6. Các rủi ro trong hoạt động

III. Định hướng phát triển Công ty

1. Phương hướng và những giá trị
2. Các mục tiêu chủ yếu của công ty
3. Các mục tiêu về phát triển bền vững

IV. Tình hình hoạt động trong năm 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
3. Tình hình tài chính
4. Tình hình nhân sự

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Phân tích tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

VI. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

VII. Định hướng phát triển 2023

1. Tổng quan về doanh nghiệp - Sứ mạng và các lĩnh vực hoạt động chủ yếu
2. Định hướng năm 2023
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các giải pháp

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐĐH
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

IX. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của Ban Điều hành
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
4. Bảng cân đối kế toán và các báo cáo hợp nhất.

I. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể công nhân viên chức Công ty ALTA.

Trước thềm Đại hội đồng Cổ đông năm nay CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH kỷ niệm tròn 25 năm cổ phần hóa thành công (1998 - 2023); một chặng đường dài ¼ thế kỷ từ sơ khai hình thành rồi từng bước ổn định, trưởng thành và phát triển đến hiện tại ALTA tuy chưa giàu nhưng ổn định và không thiếu việc làm vì luôn là “*Người bạn liên kết chân thành*” với cổ đông và đối tác cũng như khách hàng và công nhân viên chức đến với ALTA như “*đến với người thân*”; Nhờ thực hành phương châm hành động đó một cách xuyên suốt mà ALTA đã biết chấp nhận thử thách, vượt qua khủng hoảng nội tại và khủng hoảng toàn cầu ở mỗi chặng đường để có được như ngày hôm nay.

Trên hết, nhân danh chủ tịch HĐQT. thay mặt CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Quý đối tác và khách hàng, Quý cơ quan hữu quan, và toàn thể công nhân viên chức Công ty lòng biết ơn chân thành nhất về sự đồng hành, hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ những lúc khó khăn trong suốt cuộc hành trình của ALTA vừa qua.

Kính thưa Quý vị,

Bước sang năm 2023 nền kinh tế thế giới được dự báo về tổng thể có nhiều khó khăn hơn năm 2022, gắn với áp lực lạm phát, nợ công, nợ xấu cao, trong khi suy giảm tổng cầu tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự tiếp tục đứt gãy nhiều chuỗi kinh tế và thị trường thương mại truyền thống ở châu Âu; đặc biệt, thị trường năng lượng vẫn diễn biến bất thường và vòng xoáy của khủng hoảng nợ, thu hẹp sản xuất, tăng sa thải lao động, gia tăng các vụ vỡ nợ doanh nghiệp... và gần đây đã bắt đầu xuất hiện cơn địa chấn về tài chính ở các nền kinh tế lớn sẽ tạo nhiều tình huống khó lường cho nhiều nền kinh tế trong đó có Việt Nam.

Trước nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu trong bối cảnh quốc tế lâm vào tình trạng “đa khủng hoảng”, Năm 2023-2024 Công ty ALTA cần khẳng định bản lĩnh, suy nghĩ sáng tạo, sẵn sàng đối phó với mọi diễn biến phức tạp có thể tác động tiêu cực đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Đồng thời xây dựng định hướng mục tiêu hoạt động trong giai đoạn này là :

- Quản lý tài chính công ty an toàn, chặt chẽ: nâng cao chất lượng hạch toán và sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; chủ động kiểm soát nợ và khả năng thanh khoản thu-chi; đồng thời chống lãng phí và thực hành tiết kiệm; Bảo toàn giá trị vốn trước áp lực lạm phát.
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị hiện đại : ổn định cơ cấu tổ chức hoạt động, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và điều hành đồng thời tích cực thực hiện số hóa trong hoạt động SXKD.

Quan tâm công tác đào tạo liên tục nhằm nâng cao chất lượng lao động và thu nhập của đội ngũ công nhân viên chức và giữ vững ổn định nguồn nhân lực đặc biệt là lớp chuyên viên và kỹ thuật viên lành nghề.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

- Kiên trì thực hiện cơ chế sáng tạo: thúc đẩy đa dạng hóa danh mục hàng hóa sản phẩm ALTA trên các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất, chế tạo và đầu tư theo xu thế xanh hóa, sinh hóa và số hóa trước tình hình thị trường đang diễn biến phức tạp do chuỗi cung ứng toàn cầu chưa được hồi phục mà VN cũng đang bị ảnh hưởng và dự báo thị trường sản phẩm truyền thống ALTA cũng bị thu hẹp.

Phần đầu đạt mức tăng trưởng kinh tế năm 2023 và 2024 của ALTA đạt mốc +9% so với năm trước đó.

- Thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng và tạo ra các chủng loại sản phẩm công nghệ cao phục vụ chiến lược phát triển công ty đồng thời từng bước xây dựng thị trường của sản phẩm công nghệ ALTA trong nước và hướng tới xuất khẩu.
- Tiếp tục cảnh giác phòng chống dịch bệnh, tăng cường sức khỏe nhân viên ở mức cao nhất, duy trì tinh thần tích cực và lan tỏa lạc quan trong toàn hệ thống.

Kính thưa Quý Vị

Năm 2022 vừa qua Công ty chúng ta đã nỗ lực thực hiện đạt các mục tiêu kế hoạch kinh tế do Đại hội đồng cổ đông đề ra; giữ vững ổn định mọi mặt dù còn nhiều khó khăn thách thức;

Với những yếu tố cơ bản thuận lợi trên, Công ty ALTA có các giải pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát chặt chẽ nguồn lực và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, bảo đảm ổn định và không ngừng nâng cao đời sống công nhân viên chức... sẽ là một bước đi đầy tự tin; ALTA với đội ngũ chân thành, nhiệt huyết, có năng lực, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ một cách kỷ luật và đoàn kết, cam kết hệ thống hoàn thành mọi mục tiêu, giữ vững ổn định và tiếp tục phát triển.

Một lần nữa tôi thay mặt HĐQT.ALTA gửi đến tất cả các Quý vị lời cảm ơn chân thành và lời chào trân trọng nhất!

TP. Hồ Chí Minh 08.03.2023

LA THẾ NHÂN

Chủ tịch HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

II. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình
Tên tiếng Anh	ALTA COMPANY
Tên viết tắt	ALTA
LOGO	
Giấy chứng nhận đầu tư số	0613268785
Vốn điều lệ	61.725.230.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu	214.980.669.081 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	084-28-38162885
Số fax	084-28-38162887
Email	alta@alta.com.vn
Website	www.alta.com.vn
Mã cổ phiếu	ALT

2. Quá trình hình thành và phát triển

1989

Tiền thân của Công ty ALTA là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình - một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1989. Hoạt động theo cơ cấu “Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất” chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa.

1992

Năm 1992 Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình. Hoạt động theo cơ cấu “Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ”.

1998

ALTA là doanh nghiệp đầu tiên của ngành Văn hóa Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH theo Quyết định số 3336/QĐ - UB - KT ngày 26/06/1998 của UBND Tp.HCM và Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

1999

Đầu tư Dự án Sản xuất Bao bì Xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống Chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

2000

Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

2001

Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động.

2002

Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

2003

Đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3.5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA).

2004

Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO₃), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

2006

Đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thương mại Lạc hồng, vốn đầu tư 40 tỷ tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, quận Tân Bình. “Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là DN đầu tiên thuộc ngành in ấn và bao bì xuất khẩu niêm yết cổ phiếu. Với Vốn điều lệ

13.347 tỷ đồng, ALTA chưa phải là DN mạnh về tài chính trong lĩnh vực nhiều cạnh tranh này, nhưng lại nổi tiếng là DN luôn tiên phong, cả về công nghệ lẫn sản phẩm.” (Trích đăng Báo Đầu tư Chứng khoán số 47, ngày 20/11/2006).

2008

Ngày 02 tháng 02 năm 2008, ALTA khánh thành và khai trương Rạp ALTA 4D - MAX SUỐI TIÊN tại Khu Du Lịch Văn hóa Suối Tiên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa (1998-2008) ALTA khánh thành và khai trương Trung tâm Thương mại & Giải trí ALTA PLAZA ngày 26/7/2008 tại địa điểm 91B2, đường Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình, Tp.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m². Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động Rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TurboRide và Khu Công nghệ Thể thao Điện tử Laser Game – lần đầu tiên có tại Việt nam. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2008, tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng Vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.

2009

Thành lập Công ty Liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và công ty FORMULA sản xuất thẻ thông minh (theo chương trình tài trợ Kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2009, tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:9 và tăng Vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130.000 đồng.

2010

Khai trương 02 khu vực giải trí Laser Zone tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maximark 3T2. Khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng Văn Thụ. Khai trương Trung tâm Mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà Alta Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ - lần đầu tiên có tại Việt Nam với qui mô lớn.

2014

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

2015

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 3.244.590.000 đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 61.725.230.000 đồng.

2016

Xây dựng Rạp Cinema Turboride và khu trò chơi giải trí Space Ship tại Khu du lịch Suối tiên.

2017

Thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (tháng 8/2017).

2018

Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc khai trương Văn phòng và Nhà máy mới tại địa chỉ Lô IV-7, Đường số 4, Nhóm CN IV, Khu Công Nghiệp Tân Bình.

2020

Công ty lắp ráp hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy ALTA và tiên phong trong việc sử dụng năng lượng sạch để sản xuất các mặt hàng thân thiện môi trường.

2021

Công ty thực hiện “3 tại chỗ” vừa duy trì sản xuất vừa bảo đảm an toàn phòng chống dịch bệnh CoVid-19.

2022

Công ty ALTA MEDIA đưa vào hoạt động Hệ thống nhạc nước điện tử tại Công viên văn hóa Đầm Sen.

Kết quả đã đạt được**a. Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm**

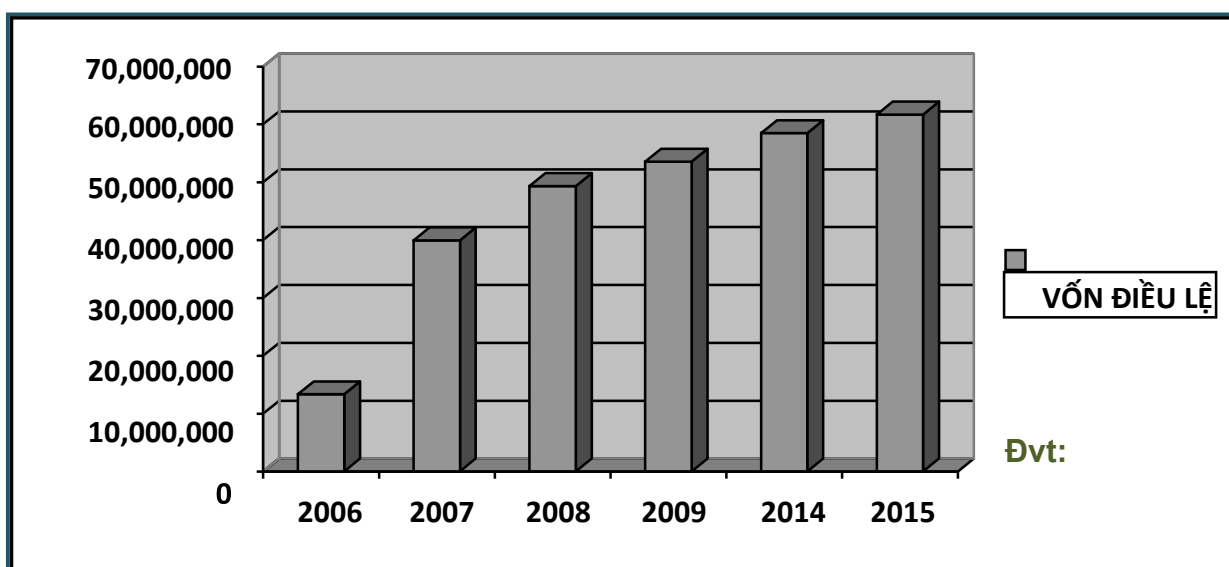
ĐVT: đồng

NĂM	DOANH THU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỔNG TÀI SẢN
2006	154.472.771.368	3.189.192.665	13.347.000.000	138.611.197.023
2007	180.245.292.938	8.694.685.159	39.951.250.000	235.839.942.843
2008	188.125.545.576	10.757.491.608	49.339.050.000	248.135.793.077
2009	154.472.771.368	9.145.944.375	53.562.120.000	264.827.900.639
2010	141.326.100.730	6.625.396.768	53.562.120.000	268.364.377.358
2011	172.203.931.433	6.028.992.749	53.562.120.000	246.465.466.432
2012	136.888.499.871	(6.458.705.600)	53.562.120.000	230.589.058.666
2013	123.413.115.014	2.138.281.455	53.562.120.000	217.675.433.988
2014	132.621.747.720	938.863.426	58.480.640.000	221.777.552.892
2015	135.286.205.191	6.011.381.394	61.725.230.000	235.192.442.147
2016	129.104.983.617	5.795.920.627	61.725.230.000	224.604.123.621
2017	144.589.709.984	7.682.732.707	61.725.230.000	228.319.841.394
2018	156.829.819.565	7.494.992.753	61.725.230.000	251.119.236.363
2019	201.551.986.980	8.401.309.085	61.725.230.000	245.094.652.767
2020	192.518.425.441	4.088.776.544	61.725.230.000	292.495.618.295
2021	222.964.375.950	5.260.993.498	61.725.230.000	276.575.206.242
2022	261.515.919.945	9.432.070.824	61.725.230.000	312.303.334.849

a. Quá trình tăng vốn

ĐVT: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ điều chỉnh	Vốn điều lệ lũy kế
2006	//	13.347.000.000
2007	26.604.250.000	39.951.250.000
2008	9.387.800.000	49.339.050.000
2009	4.223.080.000	53.562.120.000
2014	4.918.520.000	58.480.640.000
2015	3.244.590.000	61.725.230.000



3. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Ngành nghề

Ngành in: Thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster .v.v...

Ngành nhựa: Sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như bao bì nhựa tự phân hủy, túi phân hủy sinh học kết hợp vô cơ và hữu cơ...

Ngành dịch vụ văn hoá và giải trí: Quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí, công nghệ thể thao, âm nhạc điện tử... Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng v.v...

Ngành phát triển phần mềm: Tạo đột phá với Chuyển đổi số nhằm sử dụng công nghệ để tạo trải nghiệm khách hàng tốt hơn, cải tiến sản phẩm và dịch vụ cũng như tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

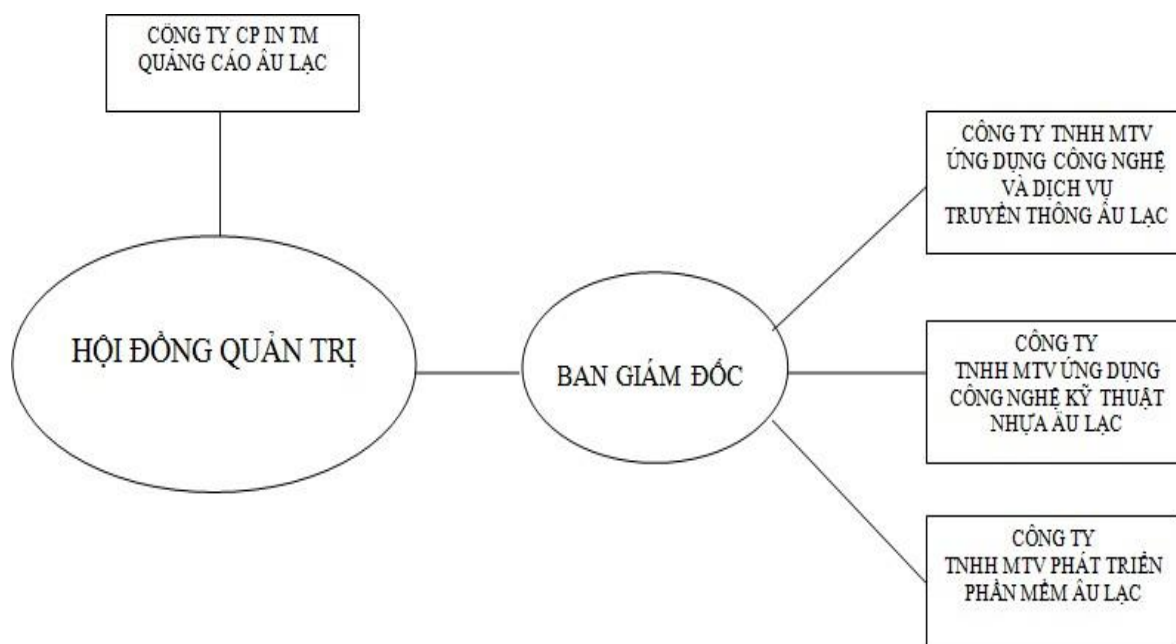
b. Địa bàn

Tp.HCM và các tỉnh thành trong cả nước.

3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: cấp công ty – cấp bộ phận và cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

	Công ty	Vốn điều lệ	Ngày thành lập
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	27/11/2008
Công ty con	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (Alta Media)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	08/08/2008
	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc (Alta Plastic)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	13/08/2013
	Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (Alta Software)	5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)	15/08/2017

b. Hội đồng quản trị

Ông La Thế Nhân – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
Tóm tắt quá trình công tác	Hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần In - Thương mại - Quảng cáo Âu Lạc đồng thời là Chủ tịch HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	295.550 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,15% SLCP có quyền biểu quyết
Bà Lại Thị Hồng Diệp – Phó Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	Làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ Kế toán trưởng năm 1989, Giám đốc Tài chính từ năm 2001, Giám đốc Điều hành từ năm 2006, Phó Tổng Giám đốc từ năm 2011. Hiện Bà Diệp là Phó Chủ tịch HĐQT.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	355.863 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,20% SLCP có quyền biểu quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Ông Hoàng Văn Điều – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Là người sáng lập Công ty - Đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ năm 1989 đến ngày 30/06/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	578.860 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,09% SLCP có quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ACB
Số cổ phiếu nắm giữ	Cá nhân 1670 cổ phiếu và Đại diện 1.051.244 cổ phiếu của Cy Địa ốc ACB
Ông Hoàng Minh Anh Tú - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ Thông tin tốt nghiệp tại Canada
Quá trình công tác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008, được bổ nhiệm Tổng giám đốc của ALTA từ 01/07/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	Cá nhân 28.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,50% SLCP có quyền biểu quyết
Ông Trịnh Xuân Quang - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Thành viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty Liksin
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty LIKSIN Phương Bắc
Số cổ phiếu nắm giữ	Đại diện vốncổ phần của công ty Liksin chiếm tỷ lệ SLC P có quyền biểu quyết.
Ông Đoàn Thanh Hải - Thành viên độc lập HĐQT	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử và Viễn thông
Tóm tắt quá trình công tác	Giám đốc Công ty Nier Rượu vang hảo hạng Việt Nam.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	Không

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Anh Thuận - Thành viên độc lập HĐQT	
Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Chuyên viên ngành In
Tóm tắt quá trình công tác	Phó Giám Đốc Cty TNHH In bao bì CD
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	Không

c. Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Danh - Trưởng Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.
Quá trình công tác	Nguyên Chủ tịch – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay SASCO
Số cổ phần sở hữu	Không

Bà Thái Thị Phượng - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	Bà Phượng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc Tiếp thị của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	24.147 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% SLCP có quyền biểu quyết.

Bà Quách Thị Mai Trang - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch
Quá trình công tác	Hiện nay là Trưởng ban Kiểm soát Nội bộ của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	2819 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% SLCP có quyền biểu quyết.

d. Ban Giám đốc điều hành

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng giám đốc Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị
--

4. Các rủi ro trong hoạt động:

a. Rủi ro tỷ giá

- Với địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước cùng với nguồn nguyên liệu chủ yếu là hàng nhập, yếu tố tỷ giá ngoại tệ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2022 chỉ số giá đô la Mỹ có biến động lớn. Cả năm tăng 3.5% và có lúc tăng trên 9% (vào cuối tháng 10/2022).
- Để hạn chế tác động của rủi ro tỷ giá, Công ty luôn cập nhật tình hình tỷ giá thế giới để đưa ra các biện pháp và chính sách phù hợp, chọn thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp, hạn chế phát sinh chi phí trong sản xuất.

b. Rủi ro lãi suất

- Sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến chi phí tài chính Công ty phải trả cho các khoản phải trả cũng như các lợi nhuận nhận được từ tiền gửi ngân hàng, cho vay hoặc các công cụ tài chính khác. Hiện nay các khoản nợ tín dụng của công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, do đó rủi ro này chưa tác động đáng kể đến hoạt động của công ty.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty, xét về phương diện vĩ mô, sự thay đổi của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức mà công ty đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giá trị trường của các khoản đầu tư.
- Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.

c. Rủi ro pháp luật

- Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Kế toán, Kiểm toán... Ngoài ra, Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do đó Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan cũng tác động đến Công ty.
- Để đáp ứng sự thay đổi của nền kinh tế mở cửa, hội nhập, trong thời gian tới các quy định của Pháp luật sẽ còn nhiều điều chỉnh để đáp ứng kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh. Với rủi ro mang tính hệ thống này, Công ty đã có các biện pháp quản trị như: liên tục cập nhật các văn bản pháp luật, mỗi bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu quy định liên quan đến lĩnh vực của mình và báo cáo cho Ban lãnh đạo về sự thay đổi ngay khi có thông tin; sử dụng dịch vụ tư vấn phù hợp.

d. Rủi ro khác

- Rủi ro từ nạn dịch Covid-19: năm 2022 mọi hoạt động kinh tế xã hội đều sụt giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh dù đã được khống chế. Ngành truyền thông của và các ngành sản xuất khác công ty năm 2022 phục hồi khá chậm.
- Các rủi ro khác do thiên tai, hỏa hoạn... có xác suất xảy ra thấp nhưng có thể gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất và con người, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng công tác bảo hiểm và bảo vệ tài sản. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và diễn tập hàng năm cùng lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp của Cảnh sát PCCC.
- Một rủi ro khá đặc biệt mà công ty nhận định là rủi ro do quá trình đổi mới - Đổi mới, doanh nghiệp phải chấp nhận rủi ro và sẵn sàng đón nhận nếu thất bại trong quá trình thực hiện, vì đó là điều không thể tránh khỏi khi doanh nghiệp đang chuyển hướng mới. Cách tốt nhất để tránh rủi ro là việc nghiên cứu cẩn thận, hoạch định chu đáo và sự đồng lòng của các thành viên được thúc đẩy bởi một quá trình truyền thông bền bỉ.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phương hướng và những giá trị

a. Phương hướng

- Xây dựng thương hiệu Alta uy tín.
- Cam kết hợp tác chân thành.
- Tạo lập giá trị tốt nhất cho cổ đông và các thành viên.

b. Những giá trị

- Luôn tôn trọng sự chân thực.
- Sẵn sàng hợp tác và liên kết.
- Tổ chức thống nhất hành động.

2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chuỗi hành động hướng tới mục tiêu của ALTA chính là:

- Khuyến khích và đòi hỏi sáng tạo để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm.
- Luôn luôn quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA.
- Thành công cùng đối tác: Trong suốt quá trình hoạt động, ALTA luôn quan tâm đến việc xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên sự tin cậy và lợi ích hài hòa.
- Lấy hiệu quả làm nền tảng: ALTA luôn lấy hiệu quả làm nền tảng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để từ đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh và góp phần xây dựng cộng đồng.
- Sẵn sàng thay đổi để sửa chữa, thích nghi và phát triển.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội cũng như cộng đồng là một phần không thể thiếu. Vì vậy, Công ty đã đặt ra một số tiêu chí sau trong quá trình hoạt động của mình:

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường sống; áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất đối với môi trường. Sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hợp lý. Quản lý chất thải, khí thải, nước thải đúng qui định để chúng không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo ra các sản phẩm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. Tuyên dụng và sử dụng lao động không chỉ tuân thủ các quy định của Luật Lao động mà công ty còn tạo ra một môi trường lao động tốt hơn đồng thời phát triển các sinh hoạt nâng cao đời sống tinh thần. Không để xảy ra tình trạng bóc lột, lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

- Cùng góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng địa phương, sẵn sàng san sẻ khó khăn với các hoàn cảnh đặc biệt trong địa bàn hoạt động của mình.
- Tôn trọng và tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động kinh tế và quản trị, bảo đảm minh bạch thông tin, đối xử bình đẳng với cổ đông và các thành viên trong tổ chức. Xây dựng tinh thần cạnh tranh lành mạnh và phòng chống tham nhũng trong hoạt động quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

- Doanh thu ngành nhựa tăng nhẹ nhưng lợi nhuận không tăng tương ứng do tình hình nguyên vật liệu nhựa tăng theo tỉ giá.
- Ngành sản xuất khăn giấy, thương mại doanh thu bình ổn.
- Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác đang dần lấy lại thị trường sau nạn dịch.

b. Chiến lược kinh doanh

- Trong năm 2022, Công ty đã có một số thay đổi trong chiến lược kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ như sau:

a. Chiến lược kinh doanh

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ngành nhựa và công nghệ.
- Tăng cường đầu tư tài sản và trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở cải tiến và chế tạo mới.
- Triển khai quảng bá thương hiệu với nhiều hình thức công nghệ mới như robot ..

b. Sản phẩm mới

Ngành nhựa :

- Nâng cấp và chế tạo máy mới với công nghệ thổi màng 2 lớp khổ lớn 1m với hệ thống cào đùn tốc độ cao chạy đa dạng nguyên liệu nhựa và thiết kế gọn trên thổi dưới cắt để tiết kiệm mặt bằng
- Trong năm 2022 đã thành công trong việc phát triển thêm mặt hàng mới là túi phân hủy sinh học kết hợp vô cơ và hữu cơ.

Ngành truyền thông :

- Tập trung nghiên cứu và kinh doanh các sản phẩm phần mềm theo yêu cầu đặt hàng.
- Sản xuất và lắp đặt hệ thống trình chiếu màn hình nước tại Công viên Văn hóa Đầm Sen.
- Sản xuất các rô bốt theo yêu cầu quảng bá của các nhãn hàng lớn.

2. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đvt: đồng

Năm 2022	Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2022
Công ty con	
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty Phát triển Phần mềm Âu Lạc	5.000.000.000
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	24.234.542.850

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	So sánh
Tổng Tài sản		276.575.206.242	312.303.334.849	113%
Doanh thu thuần	VNĐ	222.964.375.950	261.515.919.945	117,3%
Lợi nhuận gộp	“	38.757.824.290	43.436.265.039	112,1%
Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	“	7.463.400.854	9.932.006.283	139,5%
Lợi nhuận khác	“	(1.461.016.928)	246.308.367	116,9%
Lợi nhuận trước thuế	“	6.002.383.926	11.330.206.280	188,8%
Lợi nhuận sau thuế	“	5.260.993.498	9.432.070.824	179,3%
EPS	“	917	1.644	179,3%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,65	2,21	83.40%
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,23	1,63	73.09%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,27	29,89	134.22%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,65	41,10	143.46%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,24	5,96	95.51%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,81	0,84	103.70%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,36	3,61	152.97%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,45	4,30	175.51%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,90	3,02	158.95%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,19	3,80	119.12%

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt.

Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 2.14 lên 2.65 lần do trong năm công ty thu hồi công nợ tốt, khả năng thanh toán nhanh của công ty do lý do trên nên cũng tăng từ 1,76 lên 2,23 trong năm nay.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.

4. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2022, Công ty có **367** lao động, tăng 11,21% so với năm trước.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2021	Tỷ lệ 2021	Số lượng 2022	Tỷ lệ 2022
I	Theo trình độ	330	100%	367	100%
1	Đại học	53	16,06%	70	19,07%
2	Cao đẳng	58	17,58%	68	18,53%
3	Trung cấp	18	5,45%	12	3,27%
4	Phổ thông trung học trở xuống	201	60,91%	217	59,13%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	330	100%	367	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	235	71,21%	211	57,49%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	95	28,79%	153	41,69%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%	3	0,82%

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2022 là 10.918.000đ tăng 10% so với năm trước do sản lượng, doanh số tăng.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Trong năm 2022 không có trường hợp tai nạn lao động xảy ra tại công ty do BCH Công đoàn phối hợp với BLĐ thực hiện tốt các biện pháp nhắc nhở, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động thường xuyên.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng. Bên cạnh đó, BCH Cơ sở Công đoàn ALTA luôn cùng với BDH quan tâm đến đời sống tinh thần cũng như chăm lo cuộc sống của người lao động nên liên tục nhiều năm liền đạt thành tích CĐCS Vững mạnh Xuất sắc và được Cờ thi đua Hoàn thành Xuất sắc Nhiệm vụ liên tục 5 năm liền (từ năm 2018 đến năm 2022) do Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022**

Năm 2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi đại dịch CoVid-19 nên Công ty phải xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Ngành nhựa tuy doanh số ổn định nhưng lợi nhuận biến động do giá nguyên liệu tăng cao do tỷ giá USD tăng mạnh.

Các ngành truyền thống của công ty đã từng bước khôi phục doanh thu nhưng vẫn chưa khởi sắc như mong muốn.

Ngành kinh doanh dịch vụ tuy doanh thu có tăng so với năm 2021 nhưng vẫn chưa phục hồi đáng kể.

2. Phân tích tình hình tài chính năm 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng tài sản	276.575.206.242	312.303.334.849	12,9%
Tài sản ngắn hạn	155.703.611.540	198.634.603.582	27,6%
Tài sản dài hạn	120.871.594.702	113.668.731.267	-6,0%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	56,30%	63,60%	13,0%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	43,70%	36,35%	-16,8%
Tổng nợ	61.594.537.161	93.041.519.572	51,1%
Nợ ngắn hạn	58.763.766.380	89.659.584.401	52,6%
Nợ dài hạn	2.830.770.781	3.381.935.171	19,5%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	22,27%	29,79%	33,8%
Tổng nguồn vốn	276.575.206.242	312.303.334.849	12,92%
Vốn chủ sở hữu	214.980.669.081	219.261.815.277	2,0%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	77,73%	70,11%	-9,8%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,36%	3,61%	53,0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,45%	4,30%	75,5%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,90%	3,02%	58,9%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	3,19%	3,80%	19,1%

a. Phân tích tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2022 tăng từ 56,30% lên 63,65%, tỷ suất đầu tư tài sản dài hạn năm 2022 giảm từ 43,70% xuống 36,35%. Những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,77 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên sự ổn định về tài chính của Công ty.

b. Phân tích nguồn vốn

Nợ ngắn hạn tăng từ 59 tỷ lên 90 tỷ (tăng lượng hàng tồn kho để chuẩn bị hàng giao tết) và đòn cân nợ tăng từ 0,29 lên 0,43.

Vốn chủ sở hữu tăng 2% (do tăng lợi nhuận trong năm).

c. Phân tích tình hình công nợ

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng tăng từ 55,7 tỉ lên 70,7 tỉ, (Do doanh số bán hàng vào thời điểm cuối năm tăng mạnh) khoản phải trả ngắn hạn cũng tăng từ 58,7 tỉ lên 90,1 tỉ (Do tăng lượng hàng tồn kho, chuẩn bị hàng hóa bán trước và sau tết)

Vòng quay các khoản phải thu là 4,1 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 87 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn. Điều này cũng nói lên tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thương trường.

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế – xã hội năm 2022 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Tuy nhiên nền kinh tế – xã hội năm 2022 của nước ta lại khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ với mức tăng trưởng cao. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022.

Năm 2022 vừa qua Công ty chúng ta đã nỗ lực thực hiện đạt các mục tiêu kế hoạch kinh tế do Đại hội đồng cổ đông đề ra, giữ vững ổn định mọi mặt dù còn nhiều khó khăn thách thức.

Năm 2022, HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã nỗ lực ổn định và phát triển các ngành hoạt động theo nhiều hướng mới, Ban Điều hành đã xây dựng các phương án sản xuất vừa lấy lại thị trường, khách hàng và năng suất lao động trước nạn dịch vừa tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và tăng năng suất chiếm lĩnh thị trường mới.

Bên cạnh đó Ban Điều hành đã xây dựng một thái độ làm việc đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực cống hiến cho người lao động tại công ty. Đây là những yếu tố quyết định giúp công ty ổn định và phát triển trong năm qua.

a. Những điểm mạnh

- Tình hình tài chính Công ty luôn lành mạnh, rất ổn định và đủ lực cung ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Công ty không gặp khó khăn về tín dụng và luân chuyển vốn.
- Phát triển sản phẩm công nghệ truyền thông theo hướng đón đầu xu hướng chuyển đổi số đã tạo ra thế mạnh cạnh tranh về nội dung và chất lượng công nghệ riêng.
- Công ty chú trọng việc ổn định sản xuất hàng hóa hôm nay vừa phát triển sản phẩm mới cho ngày mai để đón đầu xu thế kinh doanh và tiêu dùng của xã hội.
- Cơ cấu tổ chức của công ty từng bước được xây dựng hoàn thiện hợp lý hơn, phát huy được tiềm năng của lực lượng lao động.
- Luôn phát triển doanh nghiệp thông qua việc kết hợp nội lực của Công ty với môi liên doanh hợp tác chân thành của các công ty con, công ty liên kết cũng như với các Nhà cung ứng và ngay cả với các Khách hàng.

b. Những điểm yếu

- Lực lượng công nhân tay nghề cao ngày càng mỏng do tác động của sự dịch chuyển lao động về các địa phương ngoài thành phố. Bên cạnh đó việc đào tạo tại chỗ lực lượng công nhân giỏi kế thừa gặp nhiều khó khăn.
- Sau đại dịch, sự phục hồi của nhu cầu giải trí khá chậm do sự sụt giảm khả năng

tài chính của người tiêu dùng dẫn đến thị trường truyền thông trước đây bị thu hẹp, thế nên việc vừa lấy lại vừa phát triển khách hàng gặp không ít trở ngại.

- Công tác thông tin báo cáo và kiểm tra nội bộ cũng chưa đạt yêu cầu thông suốt và kịp thời.
- Thu nhập của người lao động chưa tăng kịp bù đắp được chi phí sinh hoạt ngày càng tăng cao.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

- Trước những chuyển biến khá đặc biệt của năm 2022, Ban Giám đốc Điều hành công ty (BGĐĐH) đã nhanh chóng linh hoạt trong việc vừa ổn định sản xuất vừa tăng sản lượng và phát triển thị trường mới với sản phẩm mới.
- Tuy nhiên, mặc dù BGĐĐH đã tận dụng mọi khả năng sẵn có để hoàn thành kế hoạch mục tiêu nhưng HĐQT vẫn chưa thấy được sự gắn bó và hợp lực hiệu quả của các cấp lãnh đạo điều hành trong mọi hoạt động.
- Một số thành quả được ghi nhận như sau:
 - Ổn định sản xuất, tăng cường công tác tiếp thị và gia tăng chăm sóc khách hàng tạo đà tăng trưởng doanh thu cho các sản phẩm chủ yếu và sản phẩm mới của công ty.
 - Tận dụng tối đa các nguồn lực để đảm bảo giá thành và định mức lợi nhuận trong hoàn cảnh biến động của các giá trị đầu vào và thực tế khó khăn của năm.
 - Công ty đã xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách đào tạo và đãi ngộ cho người lao động trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp nên giảm thiểu được biến động nhân sự sau thời gian dịch bệnh góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất các mặt hàng thiết yếu cung cấp cho thị trường.

Chỉ tiêu đánh giá hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh
Lợi nhuận trước thuế	8,000,000,000	11,330,206,280	141.6%
Lợi nhuận sau thuế	6,400,000,000	9,432,070,824	147.4%
Chia cổ tức	10%	10%	100.0%

VII. KẾ HOẠCH NĂM 2023

Với địa bàn hoạt động chủ yếu ở khu vực TP.HCM và tập trung vào những sản phẩm cốt lõi như in ấn, bao bì, dịch vụ kỹ thuật cao và giải trí thì ALTA có nhiều triển vọng hơn so với toàn thị trường vì đây là khu vực kinh tế năng động nhất cả nước.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được xây dựng dựa trên các căn cứ từ tình hình thực tế của doanh nghiệp, từ nhận định và phân tích môi trường kinh doanh để nhìn nhận được những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của Công Ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đó đề ra định hướng kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công Ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mang theo nhiều lợi ích hơn cho các cổ đông và người lao động Công Ty. Bên cạnh đó Công ty cũng chủ động dự trù xây dựng xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh để kịp thời phù hợp với tình hình phát triển của thị trường.

a. Xác định vị thế công ty năm 2023

- Sản phẩm ngành nhựa của công ty là bao bì nhựa tự hủy, bao bì chuyên dùng và sản phẩm nhựa mềm đa năng rất phù hợp nhu cầu thị trường và thân thiện với môi trường. Công ty Nhựa Âu Lạc đã xây dựng được đội ngũ kỹ thuật đã chế tạo thành công một số máy chuyên dùng hỗ trợ sản xuất và cung ứng ra khách hàng bên ngoài.
- Công ty Alta Media đã trở thành nhà cung cấp uy tín và chuyên nghiệp cho hệ thống thông tin viễn thông và công nghệ lập trình điện tử.
- Alta Media đã thành công khi xây dựng một số dòng sản phẩm mới như hệ thống đèn LED quảng cáo đi kèm với nội dung sáng tạo và tương thích, hiện đứng thứ hai về cho thuê LED có nội dung tích hợp tại Tp. HCM.
- Alta Media cũng là công ty đứng trong top đầu các doanh nghiệp cung cấp phần mềm tương tác và công nghệ mô phỏng chuyển động không gian thực... Tạo đột phá với chuyển đổi kỹ thuật số (Digital Transformation), sử dụng công nghệ để tạo ra sự trải nghiệm khách hàng tốt hơn. Góp phần cải tiến sản phẩm và dịch vụ nhằm giúp khách hàng tăng hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó Alta Media cũng nghiên cứu và phát triển hệ thống mạng lưới thiết bị kết nối internet (IoT) nhằm nâng cao giá trị sản phẩm đa dạng.
- Sản phẩm ngành in của công ty là sản phẩm in bao bì ngành dược và sản phẩm bao bì cao cấp bảo đảm chất lượng tốt và đồng đều ngay cả lô hàng số lượng lớn đặc biệt là Công ty In Âu Lạc đã khẳng định được đẳng cấp và thế đứng vững vàng trong thị trường đầy cạnh tranh của ngành in.
- Công ty cũng hiện đang sản xuất hàng loạt các nhãn hàng khăn giấy và bao bì mang thương hiệu của các tập đoàn thương mại lớn như Metro, Âu Lạc...
- Nguồn bất động sản Công ty sở hữu đang chờ các dự án kích hoạt và kế hoạch triển khai đúng thời cơ và hiệu quả.

b. Cơ hội

Ngành sản xuất

- Sản phẩm bao bì nhựa sẽ có nhiều đơn hàng do hai yếu tố:
- + Nhiều đơn vị cùng ngành đã ngưng sản xuất sau dịch bệnh Covid-19.
- + Chiến lược tập trung phát triển khách hàng mới năm 2022 đã phát huy hiệu quả.
- Đội ngũ kỹ thuật vững mạnh với việc tự sản xuất và cải tiến kỹ thuật công nghệ nhựa đã tạo tiền đề cho các ngành nghề này của công ty phát triển.
- Công ty Nhựa Âu Lạc đã có chỗ đứng trên thị trường trong nước do việc công bố hợp quy của sản phẩm bao bì nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được Sở Y Tế Tp.HCM xác nhận.
- Sản phẩm bao bì in ấn đặc chủng ngành dược của Công ty In Âu Lạc xây dựng đạt chuẩn phù hợp GMP.
- Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ vào các kênh tập đoàn bán lẻ mới sẽ trở thành một trong những kênh tiêu thụ thêm vào của sản phẩm Alta.
- Sự hỗ trợ và phối hợp của công ty Alta software trong việc xây dựng các phần mềm quản trị thông minh sẽ giúp cho các đơn vị sản xuất giải được bài toán ERP trong điều hành và sản xuất kinh doanh.

Ngành công nghệ thông tin

- Công nghệ số mới nổi: Các công nghệ số mới nổi như blockchain (chuỗi khối), trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và Internet vạn vật (IoT) có thể tạo bước nhảy vọt trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghiệp, đơn giản hóa chuỗi cung ứng và logistics và giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.
- Nhu cầu cao hơn về an ninh mạng và bảo mật cá nhân: Số lượng doanh nghiệp và người tiêu dùng tham gia vào nền kinh tế số gia tăng dẫn đến nhu cầu cao hơn về an ninh mạng và bảo mật cá nhân, đặc biệt là khi những lĩnh vực trọng yếu như hệ thống tài chính và chính phủ ngày càng được số hóa.
- Cơ sở hạ tầng số hiện đại: Một nền kinh tế số phát triển đòi hỏi cơ sở hạ tầng năng lượng và kỹ thuật số đảm bảo chất lượng – đặc biệt đối với các công nghệ thâm dụng năng lượng như Internet vạn vật hay Trí tuệ nhân tạo. Mạng lưới viễn thông mới cũng cần thiết lập để đảm bảo internet băng thông rộng có thể xử lý khối lượng dữ liệu số khổng lồ phục vụ cho việc vận hành các ứng dụng mới.
- Sự gia tăng về các kỹ năng số, dịch vụ số và nền kinh tế việc làm tự do: Nhu cầu về ngành dịch vụ và các sản phẩm, dịch vụ số tăng cao đồng nghĩa với việc đầu tư nhiều hơn nữa vào giáo dục đại học, trang bị kỹ năng số, kỹ năng khởi nghiệp và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Việt Nam. Xu hướng giảm dần các công việc có tính chất an toàn, cố định, lặp đi lặp lại; tăng lên nhu cầu sử dụng các nền tảng về lao động và sản phẩm để tạo ra thu nhập và dịch chuyển ngành sáng tạo hơn trong thị trường lao động.

- Thay đổi hành vi tiêu dùng – cộng đồng số, người có ảnh hưởng, tiêu thụ giá trị nhiều hơn: Hành vi của người tiêu dùng đang thay đổi trước sự nổi lên của các tầng lớp trung lưu châu Á hướng tới sử dụng các sản phẩm và dịch vụ có giá trị cao từ nền kinh tế số. Đồng thời, người tiêu dùng cũng ngày càng thích nghi hơn với nền kinh tế số, điều này làm tăng sức ảnh hưởng của các nhóm, những người nổi tiếng/có ảnh hưởng trong nền kinh tế số - đối với hành vi của nhà cung cấp và của người tiêu dùng.
- ALTA luôn có nền tài chính lành mạnh, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án sản phẩm và dịch vụ mới.

c. Những thách thức

- Sau thời gian dài tạm ngưng quá lâu thị trường đang ngày càng ổn định, sức mua của người dân tăng dần đòi hỏi thị trường cung cấp cạnh tranh gia tăng, các loại chi phí đầu vào tiếp tục tăng trong năm 2023, công nghệ mới tự động hóa mới được đầu tư, công nhân lao động năng suất chưa cao, kỹ năng quản trị cấp quản trị trung gian còn yếu... sẽ là những yếu tố phải quan tâm hàng đầu của Ban Điều hành.
- Chi phí lãi vay ngân hàng tăng, lạm phát còn ở mức cao, chi tiêu của người dân giảm trầm trọng...
- Một số mặt bằng đang kinh doanh của công ty đã phải cắt giảm diện tích do nằm trên qui hoạch của các dự án cấp quốc gia như tuyến metro số 2, số 5...

d. Định hướng mục tiêu hoạt động năm 2023

- Quản lý tài chính công ty an toàn, chặt chẽ: nâng cao chất lượng hạch toán và sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; chủ động kiểm soát nợ và khả năng thanh khoản thu-chi; đồng thời chống lãng phí và thực hành tiết kiệm; Bảo toàn giá trị vốn trước áp lực lạm phát.
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị hiện đại : ổn định cơ cấu tổ chức hoạt động, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và điều hành đồng thời tích cực thực hiện số hóa trong hoạt động SXKD.
- Quan tâm công tác đào tạo liên tục nhằm nâng cao chất lượng lao động và thu nhập của đội ngũ công nhân viên chức và giữ vững ổn định nguồn nhân lực đặc biệt là lớp chuyên viên và kỹ thuật viên lành nghề.
- Kiên trì thực hiện cơ chế sáng tạo: thúc đẩy đa dạng hóa danh mục hàng hóa sản phẩm ALTA trên các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất, chế tạo và đầu tư theo xu thế xanh hóa, sinh hóa và số hóa trước tình hình thị trường đang diễn biến phức tạp do chuỗi cung ứng toàn cầu chưa được hồi phục mà VN cũng đang bị ảnh hưởng và dự báo thị trường sản phẩm truyền thống ALTA cũng bị thu hẹp.
- Thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng và tạo ra các chủng loại sản phẩm công nghệ cao phục vụ chiến lược phát triển công ty đồng thời từng bước xây dựng thị trường của sản phẩm công nghệ ALTA trong nước và hướng tới xuất khẩu.
- Tiếp tục cảnh giác phòng chống dịch bệnh, tăng cường sức khỏe nhân viên ở mức cao nhất, duy trì tinh thần tích cực và lan tỏa lạc quan trong toàn hệ thống.

e. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các giải pháp

1. Kế hoạch

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (ALTA) năm 2023 với phương châm là: **“Sáng tạo - Phát triển - Hiệu quả”**; không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại; đầu tư chiều sâu để tạo ra các chuỗi sản phẩm và chuỗi giá trị gia tăng trên nền tảng sản xuất kinh doanh hiện nay; nâng cao năng suất, chất lượng lao động và năng lực cạnh tranh... nhằm thúc đẩy hoạt động vận doanh đạt kết quả tối ưu:

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023;
- Tập trung đẩy mạnh hoạt động SXKD cốt lõi, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ sáng tạo; đầu tư mới, nâng cấp theo hướng hiện đại và tự động hóa hệ thống MMTB hiện hữu;
- Nâng cao hiệu quả SXKD thông qua việc thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ phương pháp quản trị và điều hành vận doanh trên nền tảng công nghệ, sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó quyết tâm triển khai có lộ trình nhận diện thương hiệu Alta trên toàn hệ thống;
- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ công nhân, viên chức đồng thời thực hiện các biện pháp khuyến khích động viên đội ngũ sáng tạo, phát huy năng lực để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra.

2. Các chỉ tiêu tài chính 2023

Đvt : VNĐ

Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
Lợi nhuận trước thuế	11.330.206.280	8.750.000.000
Lợi nhuận sau thuế	9.432.070.824	7.000.000.000
Chia cổ tức	10%	10%

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng Quản trị****a. Thành viên HĐQT**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông LA THỂ NHÂN	Chủ Tịch	15/08/1998	
02	Bà LẠI THỊ HỒNG DIỆP	Phó CT	15/08/1998	
03	Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU	Thành viên	15/08/1998	
04	Ông HOÀNG MINH ANH TÚ	Thành viên	26/03/2012	
05	Ông NGUYỄN MINH TUẤN	Thành viên	14/04/2017	
06	Ông TRỊNH XUÂN QUANG	Thành viên	22/06/2022	
07	Ông NGUYỄN VĂN MẠNH	Thành viên	22/06/2022	Đã có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT
08	Ông BÙI MẠNH CÔN	Thành viên	22/06/2022	Đã có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT
09	Ông ĐOÀN THANH HẢI	Thành viên	22/06/2022	
10	Ông NGUYỄN ANH THUẬN	Thành viên	22/06/2022	

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ chuyên trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm HĐQT Nhiệm kỳ 6 có 05 cuộc họp định kỳ và cuộc họp theo yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông LA THỂ NHÂN	05/05	100%	
02	Bà LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP	05/05	100%	
03	Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU	05/05	100%	
04	Ông HOÀNG MINH ANH TÚ	05/05	100%	
05	Ông NGUYỄN MINH TUẤN	05/05	100%	
06	Ông TRỊNH XUÂN QUANG	05/05	100%	
07	Ông NGUYỄN VĂN MẠNH	01/05	20%	Đã có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT T8/2022
08	Ông BÙI MẠNH CÔN	05/05	100%	Đã có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT
09	Ông ĐOÀN THANH HẢI	05/05	100%	
10	Ông NGUYỄN ANH THUẬN	05/05	100%	

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQHĐQT/2022	18/01/2022	Về việc thanh lý Văn bản thỏa thuận bất động sản Dự án Novabeach Cam Ranh.	100%
02	01/03/2022/NQ-HĐQT	29/03/2022	Về việc tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022.	100%
03	01/NQHĐQT/2022	27/06/2022	Về việc bầu cử Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ VI (2022-2027)	100%
04	01/07/NQHĐQT/2022	14/07/2022	Phê duyệt Cty Kiểm toán.	100%
05	01/08/ 2022/NQ-HĐQT-ALT	09/08/2022	Về việc bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị công ty	100%
06	01A/08/2022/NQ-HĐQT-ALT	19/08/2022	Về việc chấp nhận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT.	100%

d. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

- Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BGD công ty.
- Rà soát việc thực thi chiến lược của BGD.
- Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BGD cung cấp.
- Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BGD có biện pháp phòng chống cụ thể.
- Kiểm tra các hoạt động Kiểm soát nội bộ.
- Kiểm tra các hành động vận hành công ty trong tình hình sau dịch bệnh CoVid-19.
- Kiểm tra hoạt động của các phòng ban liên quan đến việc tổ chức ĐHCĐ 2022.
- Rà soát các quyết định phân công và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý trong công ty.

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Các thành viên HĐQT độc lập cùng tham gia các phiên họp định kỳ và bất thường đồng thời thực thi trách nhiệm của mình cùng với các TVHĐQT khác.

2. Ban Kiểm soát**a. Thành viên và cơ cấu**

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
01	Ông NGUYỄN VĂN DANH	Trưởng ban	22/06/2022	Cử nhân Luật, Cử nhân QTKD
02	Bà THÁI THỊ PHƯƠNG	Phó ban	26/03/2012	Cử nhân QTKD
01	Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG	Thành viên	26/03/2012	Trung cấp KHKT

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Ông NGUYỄN VĂN DANH	2/2	100%	100%	
02	Bà THÁI THỊ PHƯƠNG	2/2	100%	100%	
03	Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG	2/2	100%	100%	

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân theo quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát tiến hành các cuộc họp định kỳ vào hàng quý để đánh giá tình hình tài chính, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và sự phối hợp giữa các bộ phận này. Trong trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, BKS tổ chức các cuộc họp bất thường để thống nhất kịp thời về phương án giải quyết vấn đề nảy sinh. BKS tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và góp ý kiến của mình theo nguyên tắc trình tự của cuộc họp.

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính.

- Kiểm tra và xác nhận Báo cáo Tài chính 2022 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

d. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Phối hợp với HĐQT-BGD-Các cán bộ quản lý về việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.

- Góp ý hoàn thiện việc báo cáo định kỳ của các đơn vị trực thuộc.

3. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGĐĐH và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BGĐĐH và BKS thực hiện theo quy chế lương thưởng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và các quy chế về đánh giá hoạt động khác.

- Trong năm 2022, tổng thù lao HĐQT nhận được là 265 triệu đồng và tổng thù lao Ban kiểm soát nhận được là 53 triệu đồng. Ban giám đốc điều hành nhận lương theo chế độ lương và thỏa thuận lao động với Công ty.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	NGUYỄN VĂN MẠNH	Cổ Đông Lớn	860.600CP	13,94%	447.500CP	7,25%	Nhu cầu tài chính cá nhân
02	HOÀNG MINH ANHTÚ	TGD	28.595CP	0,46%	37.595CP	0,61%	Nhu cầu tài chính cá nhân
2	HOÀNG MINH ANHTÀI	Con TV HĐQT	00 CP	0%	2.000CP	0,03%	Nhu cầu tài chính cá nhân

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không phát sinh

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ALT chốt sổ ngày 27/03/2023 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam.

a. Cổ phần

Vốn điều lệ: 61.725.523.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 6.172.523 cổ phiếu Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Cổ phiếu thường: 6.172.523 cổ phiếu

- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.736.709 cổ phiếu Số lượng cổ phiếu quỹ: 435.814 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

b. Cơ cấu cổ đông

	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VDL
I	Cổ đông trong nước	477	5.975.174	96,80%
	Cổ đông nhà nước	1	760.211	12,32%
	Cổ đông tổ chức	9	1.210.608	19,61%
	Cổ đông cá nhân	466	3.568.541	57,81%
	Cổ phiếu quỹ	1	435.814	7,06%
II	Cổ đông nước ngoài	29	197.349	3,20%
	Cổ đông tổ chức	3	24.721	0,40%
	Cổ đông cá nhân	26	172.628	2,80%
	Tổng cộng	506	6.172.523	100%

d. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ/CPBQ	Tỷ lệ/TSCP
1	Công ty Cổ Phần Địa ốc A.C.B	1.051.244	18,32%	17,03%
2	Tổng Công Ty LIKSIN	760.211	13,25%	12,32%
3	Hoàng Văn Điều	578.860	10,09%	9,38%
5	Nguyễn Văn Mạnh	378.500	6,60%	6,13%
6	Lại Thị Hồng Diệp	355.863	6,20%	5,77%
7	La Thế Nhân	295.550	5,15%	4,79%
	Tổng cộng	3.420.228	59,62%	55,41%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-44

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Thế Nhân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 22/06/2022, tiếp tục là thành viên HĐQT
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó chủ tịch	
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022 (Đã nộp đơn xin từ nhiệm tư cách thành viên HĐQT ngày 02/08/2022)
Ông Bùi Mạnh Côn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2022 Miễn nhiệm ngày 03/03/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
-----------------------	-------------------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban	Miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát ngày 22/06/2022, tiếp tục là thành viên Ban kiểm soát
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên	
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/06/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Số: 300323.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Đặng Huy Hoàng

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0725-2023-002-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán Số:
Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		198,634,603,582	155,703,611,540
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14,130,215,548	11,012,724,255
111	1. Tiền		12,395,724,813	8,512,724,255
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,734,490,735	2,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	62,154,820,929	64,250,438,708
121	1. Chứng khoán kinh doanh		691,098,879	322,120,000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(226,312,979)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		61,690,035,029	63,928,318,708
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		70,738,522,789	55,703,475,064
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	48,855,128,749	35,843,956,682
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	21,339,386,883	17,949,817,743
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	1,200,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	750,467,336	917,193,865
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(206,460,179)	(207,493,226)
140	IV. Hàng tồn kho	10	48,696,115,376	24,529,027,090
141	1. Hàng tồn kho		48,696,115,376	24,529,027,090
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2,914,928,940	207,946,423
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	792,262,051	151,984,458
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1,651,771,746	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	470,895,143	55,961,965
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		113,668,731,267	120,871,594,702
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		195,445,910	5,740,924,760
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	5,500,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	195,445,910	240,924,760
220	II. Tài sản cố định		53,273,711,078	61,104,801,059
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	49,040,009,095	56,499,825,460
222	- Nguyên giá		182,249,032,111	178,382,397,421
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(133,209,023,016)	(121,882,571,961)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	573,146,600	795,009,800
225	- Nguyên giá		1,109,316,000	1,109,316,000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(536,169,400)	(314,306,200)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	3,660,555,383	3,809,965,799
228	- Nguyên giá		6,943,530,397	6,943,530,397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,282,975,014)	(3,133,564,598)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	15	25,925,703,903	26,651,045,727
231	- Nguyên giá		51,544,546,189	51,544,546,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25,618,842,286)	(24,893,500,462)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	6,319,780,262	4,442,853,634
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6,319,780,262	4,442,853,634
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	24,394,242,051	20,922,350,421
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24,234,542,851	20,262,651,221
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159,699,200	659,699,200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3,559,848,063	2,009,619,101
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	3,356,990,920	2,009,619,101
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.a	202,857,143	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>312,303,334,849</u>	<u>276,575,206,242</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		93,041,519,572	61,594,630,039
310	I. Nợ ngắn hạn		89,659,584,401	58,763,653,544
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	19,948,627,543	14,192,167,257
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	3,407,204,966	1,332,561,448
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	2,241,613,965	1,237,331,745
314	4. Phải trả người lao động		10,695,537,369	9,252,294,834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1,008,725
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4,500,000,000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	16,251,220,978	11,893,954,417
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	31,896,473,805	20,135,429,343
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		718,905,775	718,905,775
330	II. Nợ dài hạn		3,381,935,171	2,830,976,495
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	2,267,590,174	2,830,976,495
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.b	1,114,344,997	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		219,261,815,277	214,980,576,203
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	219,261,815,277	214,980,576,203
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	2,243,857,861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27,156,309,533	22,875,070,459
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		17,724,238,709	17,614,076,961
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		9,432,070,824	5,260,993,498
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		312,303,334,849	276,575,206,242

(Handwritten signatures)



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	261,691,896,195	224,346,045,177
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	175,976,250	1,381,669,227
10 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		261,515,919,945	222,964,375,950
11 4. Giá vốn hàng bán	26	218,079,654,906	184,206,551,660
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43,436,265,039	38,757,824,290
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	4,342,997,330	3,087,613,001
22 7. Chi phí tài chính	28	3,283,490,720	2,151,747,620
23 Trong đó: Chi phí lãi vay		1,445,970,145	1,270,337,720
24 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,151,891,630	341,976,294
25 9. Chi phí bán hàng	29	11,877,062,483	11,820,929,605
26 10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	22,686,702,883	20,751,335,506
30 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11,083,897,913	7,463,400,854
31 12. Thu nhập khác	31	468,763,235	98,762,211
32 13. Chi phí khác	32	222,454,868	1,559,779,139
40 14. Lợi nhuận khác		246,308,367	(1,461,016,928)
50 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11,330,206,280	6,002,383,926
51 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	2,456,916,173	741,390,428
52 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34.c	(558,780,717)	-
60 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9,432,070,824</u>	<u>5,260,993,498</u>
61 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		9,432,070,824	5,260,993,498
62 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	1,644	917
71 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Nguyễn Thị Xuân
Tổng Giám đốc Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Hoàng Minh Anh Tú
Người lập Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11,330,206,280	6,002,383,926
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14,057,092,071	15,862,425,134
03	- Các khoản dự phòng		225,279,932	207,493,226
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(99,890,501)	(55,845,021)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5,268,257,841)	(1,615,123,864)
06	- Chi phí lãi vay		1,445,970,145	1,270,337,720
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21,690,400,086	21,671,671,121
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18,826,878,074)	2,407,015,928
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(24,167,088,286)	2,488,606,893
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		17,582,714,437	3,839,363,526
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1,987,649,412)	1,023,160,488
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(368,978,879)	(322,120,000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1,445,970,145)	(1,272,475,170)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(816,523,345)	(1,485,485,293)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(13,579,363)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8,339,973,618)	28,336,158,130
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7,042,453,773)	(25,486,912,358)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		181,818,182	34,545,454
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25,628,273,182)	(65,365,518,708)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34,566,556,861	58,264,541,090
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2,820,000,000)	(500,000,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		704,248,880	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4,301,936,471	4,097,017,944
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4,263,833,439	(28,956,326,578)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		59,841,695,658	57,090,891,519
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(48,466,546,957)	(55,394,231,580)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(177,490,560)	(177,490,560)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4,002,966,870)	(4,015,323,420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7,194,691,271	(2,496,154,041)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	VND	
		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3,118,551,092	(3,116,322,489)
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11,012,724,255	14,141,092,873
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1,059,799)	(12,046,129)
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	14,130,215,548	11,012,724,255



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 337 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 305 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ kho vận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng	Thành phố	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Hồ Chí Minh			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ thông tin

Công ty có 01 công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	37.60%	37.60%	Lĩnh vực in ấn

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dư kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
--------------------------	---------	-----

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 098/HĐHTKD ngày 22/07/2020 giữa Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc và Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tài sản hợp tác: Hệ thống trình diễn màn hình nước, hệ thống trình chiếu Laser, hệ thống âm thanh, nội dung trình chiếu trên màn hình nước, hệ thống nhạc nước, hệ thống ánh sáng các photobooth cùng nhân sự vận hành, nhằm trình diễn phục vụ cho khách tham quan tại Công viên Văn hoá Đầm sen.
- + Phạm vi hợp tác: Các Bên cùng nhau hợp tác kinh doanh, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, quảng cáo sản phẩm tại Công viên Văn hoá Đầm sen để cùng tăng lượng khách tham quan, phát sinh doanh thu và phân chia doanh thu thu được;
- + Thời gian hợp tác: 7 năm tính từ ngày Hệ thống được nghiệm thu đưa vào hoạt động chính thức;
- + Hình thức hợp tác: Tài sản đồng kiểm soát.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng
- Chi phí sửa chữa tài sản, Chi phí vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình Led được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu nhận trước là giá trị của hợp đồng số LDMS.111.2022.0632 ngày 11/11/2022 đang thực hiện giữa Công ty và Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.29 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	120,893,928	104,806,720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12,274,830,885	8,407,917,535
Các khoản tương đương tiền (*)	1,734,490,735	2,500,000,000
	<u>14,130,215,548</u>	<u>11,012,724,255</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi với giá trị 1.734.490.735 VND có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 3,2%/năm đến 5,1%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	61,690,035,029	-	63,928,318,708	-
	61,690,035,029	-	63,928,318,708	-

(*) Tại ngày 31/12/2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến 15 tháng có giá trị 61.690.035.029 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2%/năm đến 8,3%/năm.

Tại 31/12/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 1.569.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn tại ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 21).

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu						-
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang (Mã CK: DGC)</i>	27,255,069	20,673,900	(6,581,169)	101,100,000	95,940,000	-
<i>Cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera - CTCP (Mã CK: VGC)</i>	34,400,000	20,280,000	(14,120,000)	-	-	-
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinhomes (Mã CK: VHM)</i>	50,620,000	33,600,000	(17,020,000)	24,900,000	23,901,000	-
<i>Cổ phiếu khác</i>	578,823,810	390,232,000	(188,591,810)	196,120,000	201,384,000	-
	691,098,879	464,785,900	(226,312,979)	322,120,000	321,225,000	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2021 và 30/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thêm 2.820.000.000 VND trên tổng số 10.000.000.000 VND vốn điều lệ tăng thêm của Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc. Sau giao dịch trên tỷ lệ vốn góp của Công ty giảm từ 47% xuống còn 37,6%. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 20.262.651.221 VND và 24.234.542.850 VND.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	159,699,200	176,832,000		659,699,200	888,530,013	
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) (*)	100,199,200	176,832,000	-	100,199,200	204,462,000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59,500,000	-	-	59,500,000	-	-
- Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu Hưng Thịnh (VEOF)	-	-	-	500,000,000	684,068,013	-
	159,699,200	176,832,000		659,699,200	888,530,013	

(*) Khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2021 và 30/12/2022;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh	6,946,011,262	-	6,260,403,822	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	4,505,856,298	-	4,078,790,955	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Hải	990,000,000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	36,413,261,189	(206,460,179)	25,504,761,905	(207,493,226)
	<u>48,855,128,749</u>	<u>(206,460,179)</u>	<u>35,843,956,682</u>	<u>(207,493,226)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	4,783,380,981	-	4,783,380,981	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	8,284,718,612	-	8,028,773,896	-
Công ty Cổ Phần Novareal	2,612,265,248	-	2,176,887,706	-
Công ty TNHH MTV Unigons Việt nam	2,255,429,721	-	-	-
Twt Applied Technology And Services Pte., Ltd.	1,523,074,294	-	2,066,535,394	-
Trả trước cho người bán khác	1,880,518,027	-	894,239,766	-
	<u>21,339,386,883</u>	<u>-</u>	<u>17,949,817,743</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
<i>Bên khác</i>						
- Công ty TNHH May thuê Hoàng Gia Long An	-	-	500,000,000	500,000,000	-	-
- Bà Đào Thị Chen	800,000,000	-	-	800,000,000	-	-
- Ông Hoàng Anh Tuấn	-	-	200,000,000	200,000,000	-	-
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên	-	-	1,050,000,000	1,050,000,000	-	-
- Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn	400,000,000	-	-	400,000,000	-	-
	1,200,000,000	-	1,750,000,000	2,950,000,000	-	-
b) Dài hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	5,500,000,000	-	-	5,500,000,000	-	-
	5,500,000,000	-	-	5,500,000,000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	752,000,000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	180,362,678	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	2,562,560	-	-	-
Bảo hiểm y tế	223,470	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6,789,700	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	343,771,262	-	35,343,000	-
Phải thu khác	216,757,666	-	129,850,865	-
	750,467,336	-	917,193,865	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	195,445,910	-	240,924,760	-
	195,445,910	-	240,924,760	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị có thể		Giá trị có thể	
	Giá gốc	thu hồi	Giá gốc	thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Bán lẻ Phuong Nam	84,428,747	-	100,346,747	-
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn	35,345,200	-	35,345,200	-
- Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ 1	19,426,500	-	19,426,500	-
- Đối tượng khác	67,259,732	-	52,374,779	-
	206,460,179	-	207,493,226	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18,684,155,862	-	6,782,377,675	-
Công cụ, dụng cụ	1,517,503,007	-	1,201,091,280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	9,340,084,221	-	2,597,916,245	-
Thành phẩm	18,660,641,117	-	13,361,845,418	-
Hàng hoá	493,731,169	-	585,796,472	-
	48,696,115,376	-	24,529,027,090	-

(*) Trong kỳ, Công ty đang thực hiện hợp đồng LDMS.111.2022.0632 ký ngày 11/11/2022 để chuyển các thẻ cào trao giải thưởng theo chương trình "Cơ hội bật nắp trúng 01 kg vàng" do Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tổ chức. Chi phí dở dang đang theo dõi đến ngày 31/12/2022 là 5.909.090.909 VND.

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5,689,820,831	3,214,358,106
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 (*)	2,690,358,106	2,690,358,106
- Mua sắm căn hộ Celedon (**)	2,999,462,725	-
- Hệ thống màn hình LED	-	524,000,000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	629,959,431	1,228,495,528
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng	354,637,178	814,989,978
- Sửa chữa máy móc thiết bị	275,322,253	413,505,550
	6,319,780,262	4,442,853,634

(*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2022, công trình đã hoàn thiện nội thất và chờ đưa vào sử dụng.

(**) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại Khu Diamond Brillant thuộc dự án Celadon City Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2022, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất và dự kiến đưa vào sử dụng trong quý I/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	44,491,025,400	113,143,621,840	15,079,564,403	5,337,974,342	330,211,436	178,382,397,421
- Mua trong kỳ	-	1,691,454,061	75,000,000	554,040,909	128,399,735	2,448,894,705
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2,716,632,440	-	-	-	-	2,716,632,440
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1,298,892,455)	-	-	(1,298,892,455)
Số dư cuối kỳ	47,207,657,840	114,835,075,901	13,855,671,948	5,892,015,251	458,611,171	182,249,032,111
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	27,412,835,596	78,366,694,047	10,471,193,596	5,337,974,342	293,874,380	121,882,571,961
- Khấu hao trong kỳ	3,606,019,764	7,715,424,584	1,175,259,395	383,016,727	80,756,160	12,960,476,630
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1,298,892,455)	-	-	(1,298,892,455)
- Điều chỉnh lại (*)	(335,133,120)	-	-	-	-	(335,133,120)
Số dư cuối kỳ	30,683,722,240	86,082,118,631	10,347,560,536	5,720,991,069	374,630,540	133,209,023,016
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	17,078,189,804	34,776,927,793	4,608,370,807	-	36,337,056	56,499,825,460
Tại ngày cuối kỳ	16,523,935,600	28,752,957,270	3,508,111,412	171,024,182	83,980,631	49,040,009,095

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 673.269.024 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.455.728.347 VND.

(*) Điều chỉnh lại theo quyết định số 1545/QĐ-CT-KT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công ty năm 2017-2019.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là hệ thống bộ tấm năng lượng mặt trời và các thiết bị kèm theo có nguyên giá là 1.109.316.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 31/12/2022 là 536.169.400 VND, khấu hao trong kỳ là 221.863.200 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dung đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6,237,885,093	705,645,304	6,943,530,397
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	705,645,304	6,943,530,397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2,427,919,294	705,645,304	3,133,564,598
- Khấu hao trong kỳ	149,410,416	-	149,410,416
Số dư cuối kỳ	2,577,329,710	705,645,304	3,282,975,014
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	3,809,965,799	-	3,809,965,799
Tại ngày cuối kỳ	3,660,555,383	-	3,660,555,383

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 705.645.304 VND.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Nguyên giá tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 là 51.544.546.189 VND; hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 lần lượt là 24.893.500.462 VND và 25.618.842.286 VND, khấu hao trong kỳ là 725.341.825 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	650,692,647	151,984,458
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	141,569,404	-
	792,262,051	151,984,458
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	879,098,901	974,727,108
Công cụ dụng cụ xuất dùng	329,866,244	593,371,392
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê (màn hình LED)	2,119,163,197	369,480,371
Chi phí trả trước dài hạn khác	28,862,578	72,040,230
	3,356,990,920	2,009,619,101

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị VND	nợ VND	Giá trị VND	nợ VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Han Huy	-	-	3,535,466,000	3,535,466,000
Công ty Cổ phần khoáng sản GGC	2,268,000,000	2,268,000,000	2,079,000,000	2,079,000,000
Tricon Dry Chemicals LLC	2,419,748,100	2,419,748,100	-	-
Phải trả các đối tượng khác	15,260,879,443	15,260,879,443	8,577,701,257	8,577,701,257
	<u>19,948,627,543</u>	<u>19,948,627,543</u>	<u>14,192,167,257</u>	<u>14,192,167,257</u>

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty TNHH Trang trí nội thất Bo Tròn	-	851,208,800
Công ty Cổ phần Tổ hợp truyền thông thương mại T3D Việt Nam	138,600,000	138,600,000
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	2,301,458,992	-
Trung tâm Công nghệ Thông tin MobiFone - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	458,480,000	-
Đối tượng khác	508,665,974	342,752,648
	<u>3,407,204,966</u>	<u>1,332,561,448</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1,130,351,972	10,933,695,425	12,197,444,201	332,268,148	198,871,344
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	565,930,022	565,930,022	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	55,961,965	52,717,273	2,456,916,173	816,523,345	55,961,965	1,693,110,101
Thuế Thu nhập cá nhân	-	54,262,500	1,050,397,582	930,894,529	82,665,030	256,430,583
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	-	29,790,894	29,790,894	-	-
Các loại thuế khác	-	-	357,207,377	264,005,440	-	93,201,937
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	36,867,978	36,867,978	-	-
	55,961,965	1,237,331,745	15,430,805,451	14,841,456,409	470,895,143	2,241,613,965

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	59,664,020	50,590,200
- Bảo hiểm xã hội	1,048,635	65,122,798
- Bảo hiểm y tế	1,190,470	3,551,760
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	789,280
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7,656,832,872	8,101,832,872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	101,541,130	88,811,700
- Quỹ phải trả người lao động	1,073,555,442	1,073,555,442
- Tiền thưởng Ban điều hành	420,915,454	420,915,454
- Bà Trần Thị Huệ (*)	5,956,085,000	1,450,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	980,387,955	638,784,911
	16,251,220,978	11,893,954,417

(*) Khoản mượn tiền bà Trần Thị Huệ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	19,109,819,692	19,109,819,692	58,385,612,204	46,697,328,651	30,798,103,245	30,798,103,245
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	14,979,819,692	14,979,819,692	41,576,667,204	37,807,328,651	18,749,158,245	18,749,158,245
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	4,130,000,000	4,130,000,000	12,010,000,000	8,890,000,000	7,250,000,000	7,250,000,000
- Ngân Hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) ⁽³⁾	-	-	4,798,945,000	-	4,798,945,000	4,798,945,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1,025,609,651	1,025,609,651	2,019,469,775	1,946,708,866	1,098,370,560	1,098,370,560
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽⁴⁾	848,119,091	848,119,091	1,241,979,215	1,769,218,306	320,880,000	320,880,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽⁵⁾	-	-	600,000,000	-	600,000,000	600,000,000
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽⁶⁾	177,490,560	177,490,560	177,490,560	177,490,560	177,490,560	177,490,560
	20,135,429,343	20,135,429,343	60,405,081,979	48,644,037,517	31,896,473,805	31,896,473,805
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽⁴⁾	3,220,578,306	3,220,578,306	-	1,769,218,306	1,451,360,000	1,451,360,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽⁵⁾	-	-	1,456,083,454	-	1,456,083,454	1,456,083,454
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽⁶⁾	636,007,840	636,007,840	-	177,490,560	458,517,280	458,517,280
	3,856,586,146	3,856,586,146	1,456,083,454	1,946,708,866	3,365,960,734	3,365,960,734
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1,025,609,651)	(1,025,609,651)	(2,019,469,775)	(1,946,708,866)	(1,098,370,560)	(1,098,370,560)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2,830,976,495	2,830,976,495			2,267,590,174	2,267,590,174

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình gồm 2 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 530/TBN-KDN/22NH ngày 08/06/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 1216/TBN-KDN/18TD ngày 15 tháng 10 năm 2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.787.486.245 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (b) Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 1300/TBN-KND/22NH ngày 29/12/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh phát hành L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 29/12/2023;
 - + Lãi suất cho vay: Phụ thuộc vào từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.961.672.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được bảo đảm bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 1.569.000.000 VND và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.DN.2516.220622 ngày 27 tháng 06 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 23.000.000.000 VND. Hạn mức bảo lãnh bằng các hình thức bảo lãnh: 750.000 USD;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành L/C các loại;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 7.250.000.000 VND;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu CN Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 23.022.444.114 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 202200003945 ngày 01 tháng 08 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam), với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất vay cơ bản tại ngày ký hợp đồng là 7,2%/năm và sẽ được cập nhật, thay đổi tùy từng thời điểm theo thông báo của Ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.798.945.000 VND;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng trị giá 5.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank Việt Nam..

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Hợp đồng vay vốn dài hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 784/TBN-KDN/20DH ngày 11/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 750.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 483.000.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 106.800.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: Khoản vay được đảm bảo bằng 02 Xe ô tô tải Isuzu QKR77FE4 và NMR85HE4 hình thành từ vốn vay và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (b) Hợp đồng tín dụng số 621/TBN-KDN/20TH ngày 27/05/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 378.660.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 85.680.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: 02 Xe ô tô tải Isuzu QKR77FE4 và NMR85HE4 hình thành từ vốn vay.
- (c) Hợp đồng tín dụng số 926/TBN-KDN/20DH ngày 03/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.500.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 589.700.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 128.400.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: Khoản vay được đảm bảo bằng 01 Xe Ford Ranger Wildtrack Biturbo bán tải và 02 xe Isuzu hình thành từ vốn vay và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (5) Hợp đồng cấp tín dụng số EGD/22239 ngày 18 tháng 07 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền đặt cọc theo Văn bản thỏa thuận số VTV.4-19.06/2019/VBTT/NVH-VHTB;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.456.083.454 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 600.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay là căn hộ VTV.4 - 19.06 thuộc Khu nhà ở tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (6) Hợp đồng thuê tài chính số B200410902 ngày 22/05/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Loại tài sản: hệ thống năng lượng mặt trời;
 - + Tổng giá trị nợ gốc: 976.198.080 VND;
 - + Thời hạn thuê: 60 tháng;
 - + Lãi suất: 9,54%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 458.517.280 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 177.490.560 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	21,629,773,261	213,735,279,005
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	5,260,993,498	5,260,993,498
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4,015,696,300)	(4,015,696,300)
Số dư cuối kỳ trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	22,875,070,459	214,980,576,203
Số dư đầu kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	22,875,070,459	214,980,576,203
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	9,432,070,824	9,432,070,824
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4,015,696,300)	(4,015,696,300)
Tăng do kiểm tra thuế (*)	-	-	-	-	-	335,133,121	335,133,121
Giảm do điều chỉnh sai sót hợp nhất các kỳ trước (**)	-	-	-	-	-	(1,470,268,571)	(1,470,268,571)
Số dư cuối kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	27,156,309,533	219,261,815,277

(*) Điều chỉnh lại theo quyết định số 1545/QĐ-CT-KT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công ty năm 2017-2019.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh bổ sung tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh khi hợp nhất Báo cáo tài chính các kỳ trước.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	10,512,440,000	17.03	10,512,440,000	17.03
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7,602,110,000	12.32	7,602,110,000	12.32
Ông Hoàng Văn Điều	5,788,600,000	9.38	5,788,600,000	9.38
Bà Lại Thị Hồng Diệp	3,558,630,000	5.77	3,558,630,000	5.77
Ông La Thế Nhân	2,955,500,000	4.79	2,955,500,000	4.79
Ông Nguyễn Văn Mạnh	4,475,000,000	7.25	8,606,000,000	13.94
Các cổ đông khác	22,474,810,000	36.41	18,343,810,000	29.72
Cổ phiếu quỹ	4,358,140,000	7.05	4,358,140,000	7.05
	61,725,230,000	100.00	61,725,230,000	100.00

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>61,725,230,000</i>	<i>61,725,230,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>61,725,230,000</i>	<i>61,725,230,000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>88,811,700</i>	<i>88,438,820</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	<i>4,015,696,300</i>	<i>4,015,696,300</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>4,015,696,300</i>	<i>4,015,696,300</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(4,002,966,870)</i>	<i>(4,015,323,420)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>(4,002,966,870)</i>	<i>(4,015,323,420)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>101,541,130</i>	<i>88,811,700</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6,172,523</i>	<i>6,172,523</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435,814</i>	<i>435,814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,736,709</i>	<i>5,736,709</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	2,243,857,861
	2,243,857,861	2,243,857,861

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang khai thác kinh doanh và cho thuê mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động.

b) Tài sản thuê ngoài

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 284-286 Hoàng Văn Thụ, P.4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	121,7 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
2	Số 654 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	85 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
3	Số 105A Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	972 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
4	Số 203-205 Võ Thành Trang, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	317 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
5	Số 11 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	13,58 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
6	Số 09 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	16,68 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
7	Số 927/8 Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	300 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
8	Số 8 Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	413 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
9	Lô II-3, KCN2, đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	9987 m ²	41 năm từ ngày 17/07/2006 đến 17/06/2047

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	732.87	714.69

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	174,666,261,013	160,524,256,953
Doanh thu cung cấp dịch vụ	87,025,635,182	63,821,788,224
	<u>261,691,896,195</u>	<u>224,346,045,177</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	<u>38,796,407</u>	<u>5,500,000</u>

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	80,967,790	1,381,669,227
Giảm giá hàng bán	95,008,460	-
	<u>175,976,250</u>	<u>1,381,669,227</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	150,173,839,039	139,089,793,203
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	67,905,815,867	45,116,758,457
	<u>218,079,654,906</u>	<u>184,206,551,660</u>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3,316,383,749	2,670,497,565
Lãi bán các khoản đầu tư	204,248,880	-
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	134,546,099	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	413,915,400	600,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	172,952,902	360,670,415
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	100,950,300	55,845,021
	<u>4,342,997,330</u>	<u>3,087,613,001</u>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	<u>526,337,000</u>	<u>447,864,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,445,970,145	1,270,337,720
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	109,906,220	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1,466,228,020	878,002,147
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1,059,799	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	226,312,979	-
Chi phí tài chính khác	34,013,557	3,407,753
	<u>3,283,490,720</u>	<u>2,151,747,620</u>

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	6,851,667,570	5,742,042,094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272,461,908	272,461,908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,688,404,203	2,663,811,511
Chi phí khác bằng tiền	2,064,528,802	3,142,614,092
	<u>11,877,062,483</u>	<u>11,820,929,605</u>

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247,701,636	300,749,063
Chi phí nhân công	12,633,254,478	11,485,496,286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,319,844,715	3,200,492,803
Thuế, phí, lệ phí	45,790,894	109,973,416
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1,033,047)	207,493,226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,200,569,810	1,651,093,447
Chi phí khác bằng tiền	3,240,574,397	3,796,037,265
	<u>22,686,702,883</u>	<u>20,751,335,506</u>

31 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	181,818,182	-
Tiền phạt thu được	244,066,803	-
Thu nhập từ hoa hồng đại lý không phải trả	-	40,000,000
Thu nhập khác	42,878,250	58,762,211
	<u>468,763,235</u>	<u>98,762,211</u>

32 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1,432,495,449
Các khoản bị phạt	181,498,823	-
Chi phí khác	40,956,045	127,283,690
	<u>222,454,868</u>	<u>1,559,779,139</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	2,456,916,173	642,142,273
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	-	99,248,155
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2,456,916,173</u>	<u>741,390,428</u>

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	202,857,143	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>202,857,143</u>	<u>-</u>

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1,114,344,997	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>1,114,344,997</u>	<u>-</u>

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hạch toán bổ sung trong kỳ	40,571,429	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả hạch toán bổ sung trong kỳ	(599,352,146)	-
	<u>(558,780,717)</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9,432,070,824	5,260,993,498
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9,432,070,824	5,260,993,498
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5,736,709	5,736,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1,644</u>	<u>917</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89,542,078,820	89,094,336,506
Chi phí nhân công	58,366,434,350	45,359,745,960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14,057,092,070	15,862,425,134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41,618,146,688	34,839,579,611
Chi phí khác bằng tiền	10,850,251,890	10,990,200,286
	<u>214,434,003,818</u>	<u>196,146,287,497</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư ngắn hạn	464,785,900	-	-	464,785,900
Đầu tư dài hạn	-	100,199,200	-	100,199,200
	464,785,900	100,199,200	-	564,985,100
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư ngắn hạn	322,120,000	-	-	322,120,000
Đầu tư dài hạn	-	600,199,200	-	600,199,200
	322,120,000	600,199,200	-	922,319,200

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,130,215,548	-	-	14,130,215,548
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49,399,135,906	195,445,910	-	49,594,581,816
Các khoản cho vay	61,690,035,029	-	-	61,690,035,029
	125,219,386,483	195,445,910	-	125,414,832,393
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11,012,724,255	-	-	11,012,724,255
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36,553,657,321	240,924,760	-	36,794,582,081
Các khoản cho vay	65,128,318,708	5,500,000,000	-	70,628,318,708
	112,694,700,284	5,740,924,760	-	118,435,625,044

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	31,896,473,805	2,267,590,174	-	34,164,063,979
Phải trả người bán, phải trả khác	36,199,848,521	-	-	36,199,848,521
	68,096,322,326	2,267,590,174	-	70,363,912,500
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	20,135,429,343	2,830,976,495	-	22,966,405,838
Phải trả người bán, phải trả khác	26,086,121,674	-	-	26,086,121,674
Chi phí phải trả	1,008,725	-	-	1,008,725
	46,222,559,742	2,830,976,495	-	49,053,536,237

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	174,666,261,013	86,849,658,932	261,515,919,945
Chi phí bộ phận trực tiếp	150,173,839,039	67,905,815,867	218,079,654,906
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24,492,421,974	18,943,843,065	43,436,265,039
Tổng chi phí mua TSCĐ	5,524,738,629	1,517,715,144	7,042,453,773
Tài sản bộ phận trực tiếp	192,294,238,765	95,614,854,033	287,909,092,798
Tài sản không phân bổ			24,394,242,051
Tổng tài sản	192,294,238,765	95,614,854,033	312,303,334,849
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	63,575,125,107	28,747,488,690	92,322,613,797
Nợ phải trả không phân bổ			718,905,775
Tổng nợ phải trả	63,575,125,107	28,747,488,690	93,041,519,572

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết
Ông La Thế Nhân	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Hoàng Văn Điền	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 22/06/2022,
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Bùi Mạnh Côn	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 22/06/2022
Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng Ban kiểm soát bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Thái Thị Phương	Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát ngày 22/06/2022, tiếp tục là thành viên Ban kiểm soát
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 22/06/2022

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu	38,796,407	5,500,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	38,796,407	5,500,000
Doanh thu hoạt động tài chính	526,337,000	447,864,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	526,337,000	447,864,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Thu nhập Thành viên Ban quản lý chủ chốt		
Ông La Thế Nhân	45,000,000	20,000,000
Ông Hoàng Văn Điều	260,607,000	301,409,000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	228,631,000	301,841,000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	861,139,940	625,519,900
Ông Nguyễn Minh Tuấn	40,000,000	20,000,000
Ông Nguyễn Văn Danh	276,012,500	251,069,000
Bà Thái Thị Phương	181,369,000	167,560,000
Bà Quách Thị Mai Trang	232,000,000	198,490,000
Ông Lê Quốc Thắng	98,560,640	87,658,000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023